

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 108/2025/HS-PT
Ngày: 26- 9 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tư; Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 133/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Chí T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố khu vực 10- Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Văn N**, sinh ngày 16/3/2008 tại tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long); Nơi cư trú: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N1 và bà Thạch Thị Ngọc D; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

2. **Nguyễn Chí T**, sinh ngày 18/5/2008 tại tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long); Nơi cư trú: Số C, Khóm G, phường N, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P và bà Thạch Thị Sa R; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn N: Bà Thạch Thị Ngọc D (mẹ của bị cáo N), sinh năm: 1986; nơi cư trú: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long, có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N:

1. Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Thanh P1 – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V, có mặt;

2. Luật sư Tô Vĩnh H- Đoàn Luật sư tỉnh V, có mặt;

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Chí T*: Thạch Thị Sa R (mẹ của bị cáo T), sinh năm: 1977; nơi cư trú: Số C, Khóm G, phường N, tỉnh Vĩnh Long, có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí T*: Luật sư Phạm Minh L – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V, có mặt;

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Minh T1 và Sơn Tuấn K nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước với Quách Bùi Trọng H1, sinh ngày: 15/12/2004, nơi thường trú: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường N, tỉnh Vĩnh Long). Vào khoảng 20 giờ ngày 01/10/2024, nhóm của bị cáo Lê Văn N gồm có: Bị cáo N; bị cáo Nguyễn Minh T1; Nguyễn Thanh P2, sinh ngày 05/3/2006, nơi thường trú ấp Bến Đáy B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long); Từ Võ Tường V (H2), sinh ngày 09/3/2006, thường trú Số 115A, Khóm H, Phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long); Lê Cẩm T2, sinh ngày 27/11/2010, thường trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long) do biết được Nguyễn Như Ý (Nấm), sinh ngày 23/11/2009, nơi thường trú Khóm C, Phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long) có quan hệ tình cảm với H1 nên đã bàn bạc với nhau rồi lên kế hoạch kêu Như Ý hẹn H1 ra khu vực Ao Bà O thuộc Khóm D, Phường H, thành phố T (nay là phường N, tỉnh Vĩnh Long) để cả nhóm cùng nhau đánh gây thương tích cho H1. Khi được hướng dẫn, Như ý nhắn tin rủ H1 đi chơi thì được H1 đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA F150, màu đen, biển số 84D1-303.35 đến rước Như Ý. Khi đến Ao Bà O, N nhắn tin cho Tường V (H2) biết, Tường V (Hân) liền thông báo cho cả nhóm biết, đồng thời T (H2) cũng nhắn tin cho bị cáo Nguyễn Chí T rủ đi lên Ao Bà O đánh nhau thì được T đồng ý và bị cáo T rủ thêm bị cáo Sơn Tuấn K và Nguyễn Văn H3, sinh ngày 15/11/2009, nơi thường trú Số A, Khóm F, Phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long), rồi sau đó H3 rủ thêm Mai Hữu M, sinh ngày 03/11/2009, thường trú Số C, Kiên Thị N2, Khóm B, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường N, tỉnh Vĩnh Long) đi cùng.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày Tường V (H2) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh – trắng, biển số xe 84E1-115.38 chở Cẩm T2 ngồi sau; P2 điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu trắng – đen, biển số xe 84AC-053.53 chở bị cáo Nguyễn ngồi sau cầm theo ống tuýp sắt có gắn lưỡi dao bằng kim loại, có chiều dài 92cm; M điều khiển xe mô tô Cub50 chở H3 ngồi sau cầm theo 01 cây dao tự chế có chiều dài 116cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 39cm, cán dao được làm bằng ống tuýp sắt dài 77cm; Bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Future, màu đỏ - đen, biển số 84B1-867.04 chở bị cáo K ngồi sau cầm theo 01 cây ống tuýp sắt, một đầu được hàn với phân nửa đĩa thắng xe, có chiều dài 78cm; Bị cáo T1 điều khiển xe mô tô đi một mình cầm theo 01 cây dao tự chế có chiều dài 59cm, lưỡi dao bằng kim loại, màu đen, dài 28cm cùng nhau đi vào khu vực A Bà O để gây thương tích cho H1.

Khi đến nơi, bị cáo Nguyễn N3 thấy H1 nên truy hô “Nó kia chém đi”, thấy vậy, H1 lên xe bỏ chạy, nhưng khi chạy đến góc cua gần miếu Ông T3 trong Ao Bà O thì nhóm của bị cáo Nguyễn R1 theo kịp nên H1 bỏ lại xe mô tô biển số 84D1-303.35 nhảy xuống ao và bơi ra giữa ao. Lúc này, bị cáo Nguyễn Đ trên bờ ao nói “Mày biết tao là ai không”, thì H1 trả lời “dạ, dạ anh là Nguyễn ghê của T2”, tiếp theo bị cáo Nguyễn N4 “Mày lên đi nói chuyện, không ai làm gì mày đâu, nếu mày không lên coi chừng mấy thằng này đập xe của mày”, H1 trả lời là “anh tha cho em”. Do không gây thương tích được cho H1 nên bị cáo Nguyễn tức G cầm đoạn ống tuýp sắt có gắn lưỡi dao chém nhiều cái vào góc biển số xe của H1 làm hư hỏng, đồng thời hô to “đập xe nó”. Thấy bị cáo Nguyễn C vào xe biển số 84D1-303.35 nên bị cáo K, bị cáo T, bị cáo T1 và H3 cùng nhau dùng ống tuýp sắt một đầu có hàn nửa cái đĩa thắng xe và dao tự chế đập, chém nhiều cái vào xe mô tô biển số 84D1-303.35 gây hư hỏng nhiều bộ phận. Trong khi các bị cáo đập phá xe mô tô biển số 84D1-303.35, những người còn lại như P2, T2, Tường V, Như Ý, M đứng nhìn rồi sao đó cả nhóm rời đi còn H1 thì bơi vào bờ và dẫn xe về nhà. Đến ngày 16/10/2024, Quách Bùi Trung H4 đến Công an P3, thành phố T trình báo vụ việc và yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Tại biên bản khám phương tiện vào ngày 16/10/2024 ghi nhận xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA F150, màu đen, số máy CGA1624554, số khung MH8DL1ANNJ124211, biển số xe 84D1-303.35 của Quách Bùi Trung H4 bị hư hỏng như sau: Ốp nhựa đầu đèn chiếu sáng phía trước bên phải bị bung, hờ có vết trầy xước; Mất một phần phía trên ốp nhựa bên phải sườn xe mô tô; Phần ốp nhựa còn lại có các dấu vết đứt, gãy các mối liên kết và có nhiều dấu vết đứt không rời tem xe theo chiều hướng từ trên xuống, từ trái qua phải, vết dài nhất 18cm; Vết nứt và đứt không rời để lại trên dưới ốp nhựa bùm xe bên phải dài 21cm; Phần còn lại của ốp nhựa phía sau có vết đứt không rời dài 4,5cm, hướng từ trên xuống dưới từ

phải qua trái và vết gãy rời mặt nhựa không rõ hình; Phần yên xe bên phải có vết rách dài 18cm, mặt yên xe có vết rách dài 20cm, bờ mép vết rách sắc nhọn; Khung sườn bên phải có hai vết khuyết trên bề mặt kim loại, hằn sâu song song với nhau, cách nhau 01cm, chiều hướng đầu vết từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, mỗi vết dài 0,5cm rộng 01mm; Phía trước bên phải lỗ máy có vết vỡ kim loại kích thước 01x 1,5cm; Mặt ngoài ống xả kim loại có vết trầy xước theo hướng từ trên xuống dưới từ phải qua trái dài 05cm, rộng 01mm; Phần chắn bùn phía sau bị gãy rời khỏi vị trí ban đầu (Bút lục: 82).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 66/BKLĐGTS, ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh kết luận như sau: Một xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA F150, màu đen, biển số xe 84D1-303.35 bị hư hỏng các phụ tùng như các chi tiết nêu trên. Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh, thống nhất chi phí sửa chữa toàn bộ các bộ phận bị hư hỏng là: 12.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10- Vĩnh Long đã tuyên bố bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Chí T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 17 Bộ luật Hình sự; Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 17 Bộ luật Hình sự; Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T1 và Sơn Tuấn K, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/8/2025, bị cáo Lê Văn N kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 15/8/2025, bị cáo Nguyễn Chí T kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Chí T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn N: thống nhất với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N là Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Thanh P1 thống nhất tội danh, điều khoản mà bản án sơ thẩm đã quy kết đối với bị

cáo. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên khả năng nhận thức còn hạn chế, hình phạt đối với người chưa thành niên là nhằm mục đích giáo dục bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N là Luật sư Tô Vĩnh H thống nhất tội danh, điều khoản mà bản án sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên khả năng nhận thức còn hạn chế, không đồng ý áp dụng Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên; cần áp dụng Điều 118 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên để xử lý đối với bị cáo Nguyễn vì bị cáo chỉ phạm tội ít nghiêm trọng. Bị cáo được hưởng thêm hai tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm như: có kiến nghị của người dân địa phương và xác nhận của cơ sở sửa xe ô tô là bị cáo đang làm thuê. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Chí T: thống nhất với lời khai của bị cáo tại phiên tòa

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí T là Luật sư Phạm Minh L thống nhất tội danh, điều khoản mà bản án sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên khả năng nhận thức còn hạn chế. Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, là người chưa thành niên phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để cho bị cáo hưởng án treo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 09 (chín) tháng tù và bị cáo Nguyễn Chí T 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo chấp hành án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Bị cáo Lê Văn N nói lời sau cùng: bị cáo rất ăn năn hối lỗi, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Chí T nói lời sau cùng: bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm, yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Chí T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định: Do có mâu thuẫn từ trước nên các bị cáo kêu Nguyễn Như Ý hẹn Quách Bùi Trung H4 đến khu vực A Bà O để đánh H4 thì Như Ý đồng ý. Vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 01/10/2024, khi gặp H4 tại khu vực Ao Bà O thuộc Khóm D, Phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường N, tỉnh Vĩnh Long) các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Chí T, Nguyễn Minh T1 và Sơn Tuấn K rượt đuổi đánh H4 nhưng không được, các bị cáo liền có hành vi cùng nhau dùng ống tuýp sắt có gắn lưỡi dao, đĩa thắng xe và dao tự chế chém, đập nhiều cái vào xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA F150, màu đen, biển số xe 84D1-303.35 của anh H4 gây hư hỏng nhiều bộ phận. Tài sản bị hư hỏng qua định giá có giá trị 12.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Chí T, Nguyễn Minh T1 và Sơn Tuấn K phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn N yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và bị cáo Nguyễn Chí T yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội đã đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các nguyên tắc quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên để xử phạt bị cáo Lê Văn N 09 (chín) tháng tù và bị cáo Nguyễn Chí T 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Ông Cao Hữu T4 là chủ

sử dụng lao động nơi bị cáo Lê Văn N làm việc và một số người dân ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long nơi bị cáo sinh sống có kiến nghị đề nghị cho bị cáo được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng. Tuy nhiên, bị cáo Lê Văn N là chính phạm trong vụ án, là người khởi xướng, kích động các bị cáo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Chí T đã cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi cố ý làm hư hỏng tài của bị hại H4. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lê Văn N và cho bị cáo Nguyễn Chí T hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn N 09 (chín) tháng tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179, Điều 115, Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179, Điều 115, Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Chí T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T1 và Sơn Tuấn K, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 10- Vĩnh Long (6b);
- VKSND khu vực 10- Vĩnh Long (2b);
- Phòng THADS khu vực 10- Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Hưng Mỹ, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND phường Nguyệt Hóa, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn